TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HS-ST
Ngày 24-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Minh

Bà Phạm Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Yến Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T; sinh ngày 23/11/1991 tại Hải Phòng; nơi ĐKHKTT và nơi ở: tổ dân phố H 3, phường Đ 2, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Giang Thị B; có vợ là Đoàn Thị T và 01 con, sinh năm 2010; tiền án: Bản án số 14/2011/HSST ngày 21/02/2011 của Tòa án nhân dân quận Hải An xử phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản (đã được xóa án tích); tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 11/9/2018. Có mặt.

2. Trần Trung H; sinh ngày 03/10/1986 tại Hải Phòng; nơi ĐKHKTT và nơi ở: Số 147A đường K, tổ dân phố H 1, phường Đ 2, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh H và bà Phạm Thị L; chưa có vợ con; tiền án: Bản án số 93/2016/HSST ngày 15/11/2016, của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền xử phạt 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 17/10/2018. Có mặt.

- Bị hại: Anh Đào Mạnh T1, sinh năm 1972; trú tại số 96/36 V, quận N, thành phố Hải Phòng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Giang Thị B; sinh năm 1972; nơi ĐKHKTT và nơi ở: tổ dân phố H 3, phường Đ 2, quận H, thành phố Hải Phòng; hiện cư trú tại: Số 186 đường K, tổ dân phố Đ, phường Đ 2, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn Q. Vắng mặt.

2. Anh Phan Vĩnh T2. Vắng mặt.

3. Anh Dương Văn Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 30/4/2018, Trần Văn T đi bộ qua khu tái định cư đang xây dựng thuộc tổ dân phố Hạ Đoạn 1, phường Đông Hải 2, quận Hải An thấy trên nền móng nhà đang thi công của anh Đào Mạnh T1 dựng 01 lán tạm, trong lán có anh Nguyễn Văn Q (là người trông coi hộ anh T1) đang ngủ, bên cạnh có 01 chiếc máy đầm nhãn hiệu Mikasa, Model MT-55, được buộc bằng dây thừng vào một cọc tre nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T liền đi vào cởi dây thừng, kéo chiếc máy ra ngoài để ở bãi đất phía sau cách móng nhà khoảng 10 mét, rồi đi đến nhà Trần Trung H rủ đi vận chuyển về. Khi gặp H, T bảo "khênh hộ tao cái máy đầm, tao bán được, tao cho mấy trăm". H hiểu là T vừa lấy trộm được máy đầm nên đồng ý thực hiện. Đến chỗ để máy, T nhổ một đoạn gậy tre dài khoảng 1,5m có sẵn ở gần đó, xỏ qua tay cầm của chiếc máy rồi cả hai khênh về nhà H cất giấu ở phòng tắm, sau đó T về nhà. Khoảng 09 giờ cùng ngày, T gọi điện cho chú họ là Phan Vĩnh T2 nói có chiếc máy đầm, nhờ tìm giúp người mua, T2 đồng ý bảo mang máy đến. T liền gọi taxi đến nhà H, cùng H khênh máy đầm lên taxi chở đi tiêu thụ. Đến gần nhà T2, T bảo H xuống xe chờ, còn T đi đón T2. T2 dẫn T đến nhà anh Dương Văn Đ ở số 221 Lũng Đông, phường Đằng Hải để bán máy. T nói với Đ chiếc máy là của mình và thỏa thuận bán cho Đ với giá 2.500.000 đồng. Số tiền bán được T trả tiền taxi 100.000 đồng, cho H 500.000 đồng, số tiền còn lại T chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phạm tội T đã nhờ mẹ đẻ là bà Giang Thị B đi chuộc máy để giao nộp cho Cơ quan Công an. Ngày 03/5/2018 bà B đã gặp anh Dương Văn Đ thỏa thuận chuộc chiếc máy đầm với giá 3.000.000 đồng (trong đó 2.500.000 đồng là tiền mua chiếc máy, 500.000 đồng tiền chi phí sửa chữa) và giao nộp cho Công an phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 04/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự quận Hải An, kết luận: 01 máy đầm nhãn hiệu Mikasa, Model MT-55, Seri no J4270 kiểu máy đứng, kích thước tay cầm 68cm x37cm, chân đế kích thước 34cm x 25,5cm, chiều cao 101cm đã qua sử dụng, có giá trị 12.250.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 02/CT- VKS ngày 20/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng đã truy tố Trần Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và Trần Trung H về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về với xã hội làm ăn lương thiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng thực hành quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án từ 09 tháng đến 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản",

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Trung H mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội và xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản riêng nên đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại - anh Đào Mạnh T1 không yêu cầu bồi thường về dân sự nên không xem xét giải quyết. Bà Giang Thị B yêu cầu Trần Văn T hoàn trả cho bà số tiền 3.000.000 đồng đã bỏ ra để chuộc lại chiếc máy đầm là có căn cứ nên buộc T phải trả cho bà B số tiền này.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, biên bản lấy lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng,

vật chứng thu giữ, kết luận định giá cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 30/4/2018, Trần Văn T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 máy đầm nhãn hiệu Mikasa, trị giá 12.250.000 đồng, của anh Đào Mạnh T1 tại lán tạm, trên móng nhà đang thi công, thuộc tổ dân phố Hạ Đoạn 1, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Trần Trung H biết rõ chiếc máy đầm là tài sản do T trộm cắp mà có, mặc dù không hứa hẹn, bàn bạc hoặc thỏa thuận trước với T, nhưng H đã giúp T cất giấu tài sản này tại nhà vệ sinh của nhà mình tại số 147A đường K, tổ dân phố H 1, phường Đ 2, quận H, thành phố Hải Phòng. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" vi phạm Điều 173 của Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo H đã phạm vào tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" vi phạm Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Căn cứ vào giá trị tài sản bị cáo trộm cắp và các tình tiết khác của vụ án, xác định hành vi của bị cáo T đã phạm vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo H đã phạm vào khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Trần Trung H về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là hoàn T có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện do lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm. Hành vi của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện do lỗi cố ý, hành vi đó không chỉ trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà còn gây trở ngại lớn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự, tạo điều kiện khuyến khích những người khác đi vào con đường phạm tội, do vậy cũng cần phải được xử lý nghiêm.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H có 01 tiền án chưa được xóa án tích, phạm tội lần này là tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà và trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố đẻ bị cáo T là người có công với cách mạng; bà nội bị cáo H là Bà mẹ Việt Nam anh Hùng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo đều không có tiền sự nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét nhân thân của các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[8] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây nên, căn cứ quy định pháp luật hình

sự, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù thích hợp và cần buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có việc làm ổn định và không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Ngày 06/11/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc máy đầm nhãn hiệu Mikasa cho anh Đào Mạnh T1 nên đã được xử lý xong.

[11] Đối với số tiền 500.000 đồng T đưa cho H sau khi bán chiếc máy đầm, tại phiên tòa các bị cáo đều khai sau khi bị mọi người phát hiện H đã trả lại T nên Hội đồng xét xử không buộc H phải nộp lại số tiền này.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Anh Đào Mạnh T1 không yêu cầu bồi thường về dân sự nên không Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Bà Giang Thị B yêu cầu Trần Văn T hoàn trả cho bà Bích số tiền 3.000.000 đồng mà bà đã bỏ ra để chuộc lại chiếc máy đầm. Vì vậy, cần buộc T trả lại cho bà B số tiền này.

[13] Đối với Phan Vĩnh T2 là người đã dẫn T đi bán máy đầm, Dương Văn Đ là người đã mua chiếc máy đầm của T, tài liệu điều tra không đủ cơ sở kết luận về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hải An không xử lý là có căn cứ.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt Trần Văn T 12 (mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2018.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt Trần Trung H 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/10/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 351 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Trần Văn T phải trả lại cho bà Giang Thị B số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Giang Thị B cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Trần Văn T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo Trần Trung H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Hải An;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an quận Hải An;
- Phòng PV06 - CA TP Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải An;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bình